

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/DS-ST
Ngày 21 - 5 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Ngọc Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Khanh và bà Hoàng Thị Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:
Ông Trần Đình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn F (thôn I cũ), xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk - (Có mặt)

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Công S, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk - (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh L bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh L (nguyên đơn) và ông Nguyễn Công S (bị đơn) có mối quan hệ quen biết với nhau nên từ năm 2021 đến năm 2023 bà L đã nhiều lần cho ông S vay tiền, các lần vay trước đều đã trả nợ đầy đủ. Tuy nhiên khoản vay ngày 18/10/2023 thì ông S chưa trả nợ cho bà L, cụ thể như sau:

Ngày 18/10/2023 bà L cho ông S vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 1.5%/tháng, mục đích vay đáo hạn Ngân hàng, thời hạn trả nợ 60 ngày (từ ngày 18/10/2023 đến ngày 18/12/2023) sẽ hoàn trả cho bà L cả tiền gốc và lãi, ông S đã

nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng (tiền mặt), đồng thời ông S trực tiếp viết “Giấy vay tiền” đề ngày 18/10/2023 giao cho bà L để làm tin.

Quá trình vay, ông S chưa trả cho bà L bất kì khoản tiền gốc và lãi nào, mặc dù bà L đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở. Đến ngày 24/9/2024, ông S có viết 01 “Giấy cam kết” về việc trả nợ, hẹn đến ngày 25/10/2024 sẽ trả gốc và lãi cho bà L, tuy nhiên quá thời hạn trên ông S vẫn không chịu trả nợ cho bà L.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn ông Nguyễn Công S phải trả số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1,5% từ khi vay cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và nhiều văn bản tố tụng khác để thông báo cho bị đơn tham gia tố tụng bảo vệ quyền lợi cho mình nhưng bị đơn đều vắng mặt tại các buổi làm việc ở Tòa án. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai cũng như không thu thập được tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án của bị đơn. Ngày 12/5/2025, bị đơn ông Nguyễn Công S có bản tự khai trình bày:

Thời gian trước đây, ông S có vay của bà Nguyễn Thị Thanh L số tiền 100.000.000 đồng. Tại buổi làm việc, ông S đã được Tòa án thông báo kết quả giám định chữ ký chữ viết của ông S và không có ý kiến gì. Tuy nhiên về số tiền vay là chưa chính xác nên ông S sẽ cung cấp chứng cứ và lời khai trước phiên tòa xét xử ngày 21/5/2025.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 463, 465, 466, 467, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Công S phải trả số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả nợ xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi, nên đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết vắng mặt bị đơn là

đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung, HĐXX nhận định:

[2.1] Về tiền gốc: Căn cứ tài liệu chứng cứ và lời khai có trong hồ sơ vụ án, HĐXX xét thấy: Ngày 18/10/2023 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 1.5%/tháng, mục đích vay đáo hạn Ngân hàng, thời hạn trả nợ 60 ngày (từ ngày 18/10/2023 đến ngày 18/12/2023) sẽ hoàn trả cho nguyên đơn cả tiền gốc và lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng chỉ vay nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng, tuy nhiên bị đơn không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn để lấy lời khai, hòa giải, đối chất về số tiền vay nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do và không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Đồng thời, nguyên đơn cũng không thừa nhận lời khai của bị đơn, nên không có cơ sở để xem xét lời khai của bị đơn.

Ngày 21/3/2025, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin đã ban hành Quyết định số 06/2025/QĐ-TCGD về việc trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Công S trong “*Giấy vay tiền*” đề ngày 18/10/2023 và “*Giấy cam kết*” ngày 24/9/2024 theo Kết luận giám định số 462/KL-KTHS ngày 08/4/2025 của Phòng K - Công an tỉnh Đ kết luận:

“...2. Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Công S trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2 so với chữ ký mang tên Nguyễn Công S trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M2, M4, M6 và chữ viết mang tên Nguyễn Công S trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M3, M5, M7, M8 là do cùng một người ký và viết ra”.

Xét thấy quan hệ vay mượn giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, do đó quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, bị đơn không trả nợ đúng thời hạn theo thỏa thuận đã cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 200.000.000 đồng là có căn cứ và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Về lãi suất: Xét nguyên đơn yêu cầu tính lãi của số tiền gốc 200.000.000 đồng với lãi suất 1,5%/tháng từ khi vay cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản nợ thì thấy:

Theo “*Giấy vay tiền*” ngày 18/10/2023, các bên có thỏa thuận lãi suất là 1.5%/tháng, do đó Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp các bên cho vay có thỏa thuận về việc trả lãi; lãi suất thỏa thuận 1.5%/tháng của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên có căn cứ chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất. Căn cứ khoản 5 Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử xác định số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn như sau:

Lãi vay theo thỏa thuận từ ngày vay 18/10/2023 đến ngày xét xử 21/5/2025 (01 năm 07 tháng 03 ngày): $200.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times (01 \text{ năm } 07 \text{ tháng } 03 \text{ ngày}) = 57.300.000 \text{ đồng}$

Như vậy, bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 257.300.000 đồng, trong đó tiền gốc là: 200.000.000 đồng và tiền lãi là 57.300.000 đồng.

[3] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 1,5%/tháng.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết và đã chi phí số tiền 4.800.000 đồng tiền chi phí giám định. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào các Điều 160, 161, 162 Bộ luật Tố tụng dân sự buộc bị đơn phải chịu 4.800.000 đồng tiền chi phí giám định.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 160, 161, 162, 227, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 466, 467, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L.

1. Buộc ông Nguyễn Công S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L tổng

số tiền 257.300.000 đồng (*Hai trăm năm mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng*), trong đó: tiền gốc là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và tiền lãi 57.300.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 1,5%/tháng.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Công S phải chịu số tiền 4.800.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Sau khi thu được từ ông Nguyễn Công S thì trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh L số tiền 4.800.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm nghìn đồng*).

3. Về án phí: Ông Nguyễn Công S phải chịu 12.865.000 đồng (*Mười hai triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L số tiền 6.187.500 đồng (*Sáu triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin theo biên lai thu số AA/2023/0006893 ngày 04/02/2025.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tạ Thị Ngọc Diệp